

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lên;

2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Á, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố F, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng C – Chi nhánh huyện M, tỉnh Long An;

Người đại diện: Ông Lê Hoài N – Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh T – Phó Giám đốc;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

2. Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã K, tỉnh Long An;

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn V – Giám đốc;

Địa chỉ: Số D, Đường C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Á trình bày:

Bà Trần Thị Á và ông Lê Văn L đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Long An ngày 28/12/2002. Bà Á yêu cầu ly hôn với ông L vì ông L thường xuyên uống rượu, quậy phá bà, có đánh đập nhưng ít, nay con đã lớn rồi nên bà Á yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Trần Thị Á và ông Lê Văn L có 04 con chung Lê Minh H, sinh năm 1991, Lê Minh Q, sinh năm 1993, Lê Thành Đ, sinh năm 1995 và Lê Thị Kiều V1, sinh ngày 10/01/2008. Bà Á yêu cầu được nuôi con Lê Thị Kiều V1; không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Á thừa nhận bà và ông L có nợ Ngân hàng C – Chi nhánh huyện M và Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã K, tỉnh Long An.

Bị đơn Lê Văn L trình bày:

Ông L không đồng ý ly hôn với bà Á vì còn thương vợ.

Về con chung: Ông L với bà Á có 04 con chung Lê Minh H, sinh năm 1991, Lê Minh Q, sinh năm 1993, Lê Thành Đ, sinh năm 1995 và Lê Thị Kiều V1, sinh ngày 10/01/2008. Ông L đồng ý giao cháu Lê Thị Kiều V1 cho bà Á nuôi dưỡng; ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng C – Chi nhánh huyện M và Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã K, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã K có văn bản trình bày:

Bà Nguyễn Thị Á1 và ông Lê Văn L có vay vốn tại A - Chi nhánh thị xã K theo Hợp đồng tín dụng số 6606LAV20221765 ngày 19/7/2022 số tiền 400.000.000 đồng; dư nợ hiện tại là 320.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 12/8/2024 là 13.824.000 đồng. Bà Á1 và ông L có thế chấp các thửa đất số 34, 198, tờ bản đồ số 1, loại đất LUC, tại xã T, huyện M, tỉnh Long An để đảm bảo cho việc trả nợ vay.

Hiện nay khoản vay của bà Á1 và ông L đang nợ quá hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác để thu hồi nợ. Trong vụ án này, Ngân hàng không có yêu cầu gì và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2. Ngân hàng C – Chi nhánh huyện M, tỉnh Long An có văn bản trình bày:

Ngân hàng không có yêu cầu gì vì bà Trần Thị Á đã nhận hết phần nợ vay bên Ngân hàng; khi nào bà Á vi phạm hợp đồng vay vốn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện sau. Ngân hàng xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Á cương quyết yêu cầu ly hôn với ông L, yêu cầu được nuôi con chưa thành niên; không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông L không đồng ý ly hôn với bà Á; đồng ý giao con chưa thành niên cho bà Á nuôi dưỡng.

Người đại diện hợp pháp Ngân hàng Chính xã hội – Chi nhánh huyện M và Ngân hàng N2 – Chi nhánh thị xã K, tỉnh Long An vắng mặt.

Các đương sự có mặt không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã tuân thủ pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Á yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn L; yêu cầu nuôi con chung tên Lê Thị Kiều V1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Á không có yêu cầu. Bà Á và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thừa nhận có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C và Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã K nhưng các Ngân hàng đều không yêu cầu bà Á và ông L trả nợ trong vụ án nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Á khởi kiện ly hôn với ông Lê Văn L. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà Á yêu cầu ly hôn với ông L, yêu cầu nuôi con chung; không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu chia tài sản chung. Bị

đơn ông L không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà Trần Thị Á và ông Lê Văn L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M vào ngày 28/12/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Á với ông L do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp và tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 nên bà Á cương quyết yêu cầu ly hôn với ông L do tình cảm vợ chồng không còn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Á với ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của bà Á là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Ông L với bà Á có 04 con chung Lê Minh H, sinh năm 1991, Lê Minh Q, sinh năm 1993, Lê Thành Đ, sinh năm 1995 (đã thành niên) và Lê Thị Kiều V1, sinh ngày 10/01/2008; hiện nay cháu V1 do bà Á đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà Á yêu cầu được nuôi cháu V1 thì ông L đồng ý nên cần giao cháu V1 cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Á không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ông L không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung: Bà Á và ông L đều không yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Long An và Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã K, tỉnh Long An đều không yêu cầu bà Á và ông L trả nợ trong vụ án nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bà Á phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[10] Như đã phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Á là có căn cứ chấp nhận; ý kiến phản bác của ông L là không cơ sở chấp nhận. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Á đối với ông Lê Văn L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Á được ly hôn với ông Lê Văn L.

- *Về con chung:* Bà Trần Thị Á với ông Lê Văn L có 04 con chung Lê Minh H, sinh năm 1991; Lê Minh Q, sinh năm 1993; Lê Thành Đ, sinh năm 1995 (đã thành niên) và Lê Thị Kiều V1, sinh ngày 10/01/2008. Sau khi ly hôn, bà Á được quyền trực tiếp nuôi cháu V1.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông L không phải cấp dưỡng nuôi cháu V1.

Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Á phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhân; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Á nộp theo Biên lai số 0003141 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- UBND xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương